TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **15-11-2018.**
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Ngô Thành Long**

Ông **Trần Văn Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Niềm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Bà **Đặng T**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: khóm A, phường B, thị xã N, Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trương B**, sinh năm 1964 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: *khóm A, phường B, thị xã N, Sóc Trăng.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng T bày như sau:***

Vào ngày 09 tháng 9 năm 2001 bà và ông B sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Đặng Tr, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2005, hiện cháu T đang sống với bà. Thời gian chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung

và cũng không có ai nợ vợ chồng bà. Khi mới cưới thì vợ chồng bà chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên kể từ khoảng từ năm 2008 thì bà và ông B phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do ông B hay ghen tuông xúc phạm bà nhiều lần nên vợ chồng bà sống ly thân từ đó và sau đó từ ngày mùng 3 tết năm 2018 thì vợ chồng bà không có qua lại nữa. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà không có ai biết.

Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà và ông Trương B là vợ chồng.

- Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung là cháu Đặng Tr, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2005 không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Trương B trình bày như sau:** Ông thống nhất lời trình bày của bà T về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Về con chung con muốn theo ai thì người đó nuôi nếu bà T nuôi thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông không có yêu cầu gì nhưng ông không đồng ý việc bà T yêu cầu không công nhận ông và bà T là vợ chồng, ông không đồng ý thôi bà T vì ông còn thương bà T, bà T vẫn là vợ ông, ông vẫn là chồng bà T.

* **Phát biểu của kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Trương Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa cũng như không có yêu cầu xử vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tại thời điểm năm 2001, bà T và ông B sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, do đó không được pháp luật công nhận. Lẽ ra, trong thời gian sống chung ông bà phải yêu thương chăm sóc lẫn nhau nhưng ngược lại để nảy sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2008 đến nay mà không đoàn tụ được nên bà T yêu cầu không công nhận bà và ông B là vợ chồng là có cơ sở xem xét theo quy định tại Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: quá trình sống chung ông, bà có 01 đứa con chung tên Đặng Tr, sinh ngày 01/3/2005, hiện cháu Trang đang sống với bà T, nay bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng, xét việc muốn nuôi con đây là yêu cầu chính đáng của bà T, hơn nữa từ khi hai người không còn sống chung với nhau thì cháu Trang theo sống với bà T, tình cảm khắn khít cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó ghi nhận nguyện vọng của cháu Trang giao cháu Trang cho bà T nuôi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông B không ai được quyền ngăn cản ông B thực hiện quyền hợp pháp này. Về cấp dưỡng do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem

xét. Về tài sản chung, nợ chung, các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chỉ có mặt bà T, còn lại ông B vắng mặt không có lý do theo yêu cầu của bà T và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu giải quyết vắng mặt ông B. Xét đây là lần thứ hai ông B vắng mặt không có lý do dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ, trong quá trình giải quyết vụ án ông B cũng đã có ý kiến trình bày cho nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông B

[2] Quan hệ hôn nhân:

Vào ngày 09 tháng 9 năm 2001 bà T và ông B tự nguyện về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, mặc dù bà T và ông B chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện và đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông B không được pháp luật công nhận. Vì vậy: việc bà T yêu cầu không công nhận bà và ông B là vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] Về Con chung: Quá trình chung sống bà T và ông B có được 01 con chung là cháu Đặng Tr, sinh ngày 01/3/2005, hiện nay con đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con đây là yêu cầu chính đáng của bà T và mặt khác tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2018 thì cháu Tr có nguyện vọng được sống chung với bà T. Do đó, căn cứ vào Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Tr cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông B không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Đặng T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và

mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Bà T và ông B sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù bà T và ông B chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện nhưng quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận và bảo vệ, bà T yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông B là phù hợp quy định tại Điều 87 Luật hôn nhan gia đình năm 2000. Về con chung bà T có yêu cầu nuôi con và cháu Tr cũng có nguyện vọng là muốn sống cùng bà T, nghĩ nên đề nghị giao con cho bà T nuôi. Về mức cấp dưỡng do các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đặng Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 11, 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng T.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Đặng T và ông Trương B không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Tr, sinh ngày 01/3/2005 cho bà Đặng T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông Trương B được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng T và ông Trương B không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001542, ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bà T đã nộp xong án phí.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh